| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH TRÌ**<br>**TP HÀ NỘI**<br>--- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>---------- |

Bản án số 46/2019/DSST
Ngày: 15/10/2019
*V/v tranh chấp: Ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI**
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Mai Thu

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Bùi Xuân Đăng

Ông Nguyễn Đình Thọ

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh trì

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa***: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Vũ Thị L** - SN 1987 (Có mặt)

ĐKHKTT: Thôn V, xã T, huyện T, TP Hà Nội

Nơi cư trú: số 57A, ngõ 222, đường T, xã T, huyện T, Hà Nội.

- *Bị đơn*: **Anh Phạm Quốc H** - SN 1982 (Vắng mặt)

ĐKHKTT+nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, TP Hà

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/6/2019 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Vũ Thị L trình bày:*

Chị và anh Phạm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống ở thôn V, xã T, huyện T, TP Hà. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình, nợ nần rất nhiều. Anh H thường xuyên vắng nhà qua đêm, thỉnh thoảng mới về. Chị và gia đình hai

bên đã khuyên bảo nhiều nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Hương G sinh ngày 16/02/2013 và cháu Phạm Uyên Tsinh ngày 13/6/2016. Sau khi ly hôn, chị L xin nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Đối với anh Phạm Quốc H:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có mặt tại tòa để giải quyết vụ án.

*Tại phiên toà hôm nay:*

Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở trên

Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị L được ly hôn anh Phạm Quốc H. Về con chung: giao hai con chung là cháu Phạm Hương G sinh ngày 16/02/2013 và cháu Phạm Uyên T sinh ngày 13/6/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung nên không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Vũ Thị L và anh Phạm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại tại thôn V, xã T, huyện T, TP Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Sau khi chị L làm đơn đến Tòa xin ly hôn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có mặt. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tại

phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm  xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Phạm Quốc H.

[2] Về con chung: chị L, anh H có hai con chung là cháu Phạm Hương G sinh ngày 16/02/2013 và cháu Phạm Uyên T sinh ngày 13/6/2016. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, căn cứ các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L và anh H không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[4] Về thủ tục tố tụng: anh H đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh H là phù hợp với khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

**Về án phí**: chị Liên phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016  về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Về quyền kháng cáo**: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn anh Phạm Quốc H.

2. Về con chung: xác nhận chị L và anh H có hai con chung là cháu Phạm Hương G sinh ngày 16/02/2013 và cháu Phạm Uyên T sinh ngày 13/6/2016. Giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L và anh H không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008932 ngày 20/6/2019 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Phạm Quốc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
*- VKSND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội*
*- VKSND TP Hà Nội*
*- TAND TP Hà Nội*
*- Các đương sự*
*- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.*
*(Số 59 Quyển số 01/2011)*
*- THA huyện T, TP Hà Nội.*
*- Lưu HS vụ án*

**Đỗ Thị Mai Thu**